

LIVELIHOODS OF THE CO-TU PEOPLE IN SONG BUNG HYDRO POWER PLANT 4

(CASE STUDY IN PA ROM AND PADHY HAMLETS IN ZUOIH COMMUNE, THANH MY DISTRICT, QUANG NAM PROVINCE)

Dang Minh Ngoc

Institute of Anthropology

Email: dmgoc@gmail.com

Received: 18/10/2022; Reviewed: 29/10/2022; Revised: 04/11/2022; Accepted: 07/11/2022; Released: 18/11/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/786>

In the past years, the hydropower projects have built and made significant contributions to the economic growth of the country, but along with hydropower, the migration and resettlement also cause certain impacts on environment, culture and livelihoods. Currently, the question for resettlement projects is how to improve people's lives, help them have a standard of living at least equal to or better than their old place, quickly integrate and adapting to life in a new place while still preserving the traditional cultural values of their nation. To answer this question, the programs and projects of the State and international organizations have supported the Co-tu people to restore their livelihoods with their own efforts, changing their livelihoods to adapt to the new environment. This article explores the current status of the Co-tu people's livelihood activities in Pa Rom and PaDhy hamlets of Zuoih commune, Thanh My district, Quang Nam province after moving to the resettlement area.

Keywords: *Livelihood of the Co-tu people; Song Bung 4 Hydropower Plant; Resettlement; Thanh My district; Quang Nam province.*

1. Đặt vấn đề

Dự án thủy điện Sông Bung 4 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 465/TTg-CN ngày 21/04/2005, với tổng mức đầu tư 5.457,70 tỷ đồng. Trong đó, kinh phí dành cho bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là 1.224,80 tỷ đồng. Thủy điện Sông Bung 4 được xây dựng đồng nghĩa với việc người Co-tu ở 4 thôn của xã Zuoih và xã Tà Pơ bắt đầu phải di cư vào năm 2010, bao gồm: Thôn 2, PaDhy, Pa Rum A, Pa Rum B (hiện nay thôn Pa Rum A và thôn Pa Rum B sát nhập thành thôn Pa Rum). Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc ổn định đời sống cho các hộ dân bị giải tỏa khi xây dựng nhà máy thủy điện Sông Bung 4, Tổng công ty điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn điện lực Việt Nam) phối hợp với Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Nam Giang đầu tư xây dựng 04 khu tái định cư tập trung. Công tác tái định cư được thực hiện hoàn thành vào năm 2013 với tổng số hộ tái định cư tập trung và bị ảnh hưởng là 280 hộ/1.188 nhân khẩu; trong đó hộ tái định cư di chuyển đến là 253 hộ/1.041 khẩu (tái định cư tập trung 232 hộ/963 khẩu, di chuyển tự nguyện 21 hộ/78 khẩu) và 27 hộ bị ảnh hưởng với 147 nhân khẩu.

Khu tái định cư tập trung của xã Zuoih nằm cách trung tâm xã 30 km và trung tâm huyện 50 km về

phía Tây. Khu tái định cư tập trung xã Zuoih nằm cách trung tâm huyện lỵ 58 km theo hướng Tây Bắc. Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các khu tái định cư được xây dựng khá đồng bộ. Kết quả thống kê năm 2017 cho thấy, tổng số dân tái định cư được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 175 hộ, chiếm 61,9%; được sử dụng điện lưới quốc gia và các dịch vụ phúc lợi khác là 280 hộ, chiếm 100%; có 10 công trình thủy lợi tưới 24,85 ha; 05 công trình nước sạch; mạng lưới giao thông dài tổng cộng 21,84 km. Các dịch vụ y tế, giáo dục, diêm sinh hoạt văn hóa cộng đồng được đầu tư xây dựng với 05 công trình nhà mẫu giáo, 05 công trình trường tiểu học và trung học cơ sở, 05 công trình nhà văn hóa, 02 trạm y tế đang hoạt động. Tỷ lệ trẻ em tiêm vắc xin đạt trên 70%, tỷ lệ trẻ em đến trường đạt 98%, tỷ lệ phổ cập giáo dục tiểu học là 98%, tỷ lệ người dân biết chữ khoảng 70%. Trong tổng số 317 hộ/1.260 khẩu khu tái định cư thì có 660 lao động, trong đó chưa có lao động nào được đào tạo nghề. Tỷ lệ hộ nghèo của khu tái định cư chiếm hơn 55%, thu nhập bình quân đầu người là 9,31 triệu/đồng/người/năm (Ủy ban nhân dân huyện Nam Giang, 2017). Trước khi tái định cư, người Co-tu ở các thôn này sinh sống ở thung lũng ven sông Bung 4 với các hoạt động sinh kế như trồng trọt, chăn nuôi, khai thác tự nhiên,... Trong đó, canh tác nương rẫy là hoạt động sinh kế chủ

đạo. Sau tái định cư, mặc dù các hoạt động sinh kế phi nông nghiệp như trao đổi, buôn bán, làm thuê, dịch vụ bảo vệ rừng đã xuất hiện và tăng cường nhưng sản xuất nông nghiệp vẫn đem lại nguồn thu nhập chính cho các hộ gia đình. Xã Zuôih hiện nay có 369 hộ gia đình bao gồm 366 hộ người Cơ-tu và 3 hộ gia đình người Kinh. Tổng dân số của xã là 1334 người trong đó bao gồm 1318 người Cơ-tu và 16 người Kinh. Tỷ lệ hộ nghèo của xã là: 49,32 % (Ủy ban nhân dân xã Zuôih, 2017).

2. Tổng quan nghiên cứu

Liên quan đến vấn đề này đã được nhiều tác giả, nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, trong đó tiêu biểu là một số công trình nghiên cứu như: Trong cuốn sách “Nghiên cứu phong tục các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam” (Thanh, 2009) và “Luật tục của người Tà-ôi, Cơ-tu, Bru- Vân Kiều ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế” (Mạnh, Hồng, & Thông, 2001), các tác giả đã nghiên cứu về các vấn đề liên quan tới Luật tục của người Cơ-tu trong đó có vấn đề khai thác bảo vệ nguồn tài nguyên để dựa vào đó phát triển sinh kế. Trong cuốn “Trong rừng thiêng, cảnh quan, sinh kế và tâm linh của người Katu ở Việt Nam” (Arhem, 2009) đã chỉ ra rằng các hoạt động sinh kế truyền thống của người Cơ-tu đều gắn với rừng. Tác giả cho rằng người Cơ-tu là những người thạo săn bắt, đánh cá và canh tác nương rẫy. Họ có sự hiểu biết sâu sắc về rừng, coi rừng là nguồn sinh kế chính nên họ tôn trọng rừng và sống hài hòa với thiên nhiên với niềm tin “vạn vật hữu linh”. Trong cuốn “Tìm hiểu văn hóa Katu” (Đức, 2002), “Góp phần tìm hiểu văn hóa Cơ-tu” (Hùng, 2006), các tác giả đã nghiên cứu về người Cơ-tu là cư dân sinh sống dọc khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên có sinh kế gắn với rừng, họ là những người nông dân chuyên canh tác nương rẫy theo phương pháp phát đốt, trọc, chia, săn bắt và hái lượm. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu về sinh kế của người Cơ-tu sau tái định cư ở các dự án thủy điện thì ít được đề cập đến. Đó là lý do tại sao chúng tôi chọn nghiên cứu về sinh kế của người Cơ-tu sau tái định cư cho bài viết này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Với phương pháp điền dã là chủ đạo, tác giả đã thực hiện ba đợt khảo sát: đợt 1 vào năm 2006 là thời điểm người Cơ-tu ở xã Zuôih vẫn ở thôn cũ và chưa tái định cư; đợt 2 vào năm 2010 là thời điểm người Cơ-tu bắt đầu quá trình di chuyển lên khu tái định cư mới và đợt 3 vào năm 2017 là thời điểm người Cơ-tu đã có cuộc sống ổn định ở khu tái định cư mới. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng phương pháp tổng hợp các công trình nghiên cứu khoa học về người Cơ-tu đã được xuất bản, phân tích tài liệu thứ cấp, phân tích số liệu, phương pháp so sánh cho nghiên cứu này để kết quả nghiên cứu mang tính khách quan và khoa học.

4. Kết quả nghiên cứu

Trước khi tái định cư người dân ở thôn Pa Rum và thôn PaDhi là cư dân sinh sống ở ven Sông Bung 4, các hoạt động sinh kế của họ là săn bắn, hái lượm các sản vật trong rừng và canh tác nương rẫy, chăn nuôi gia súc và đánh bắt cá. Trong đó, hoạt động canh tác nương rẫy là hoạt động sinh kế quan trọng đảm bảo an ninh lương thực cho người dân. Kể từ khi tái định cư, diện mạo vùng đồng bào dân tộc Cơ-tu đã có nhiều thay đổi về mọi mặt nhờ có những chủ trương, chính sách, chương trình hỗ trợ của Đảng, Nhà nước, cùng sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và chính quyền địa phương về phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Người Cơ-tu ở các thôn tái định cư ở xã Zuôih được tiếp cận tới cơ sở hạ tầng cơ bản như điện, đường, trường, trạm, các dịch vụ y tế và giáo dục tốt hơn trước khi tái định cư nhưng đi kèm theo nó là những thách thức về văn hóa- xã hội và môi trường, di dân - tái định cư và sinh kế. Đặc biệt là đối với người dân ở thôn Pa Rum và thôn Pa Dhi, khi di chuyển đến một môi trường mới, họ sẽ phải đối mặt với những thay đổi về môi trường sống dẫn tới những thay đổi về văn hóa- xã hội và đặc biệt là sinh kế.

4.1. Trồng trọt

4.1.1. Canh tác nương rẫy

Trước kia, người Cơ-tu làm nông nghiệp chủ yếu theo phương thức du canh, du cư, phát, đốt, chọc, tria trên những mảnh nương đang canh tác. Thường sau khi canh tác 1-2 năm họ sẽ bỏ hoang khoảng 4-5 năm sau đó mới canh tác lại để nương rẫy có thể tái sinh nhằm phục hồi năng suất đất. Như vậy, trung bình mỗi gia đình có bốn người gồm bố mẹ và hai con cần khoảng 2,5ha và gia đình lớn khoảng 6-8 người cần khoảng 5ha để canh tác luân canh (Ngọc, 2018). Khi Luật Đất đai được ban hành kèm theo các quy định chặt chẽ đối với rừng và đất rừng, việc canh tác nương rẫy tự phát như trước đây của người Cơ-tu bị hạn chế, một số hộ đồng con diện tích nương rẫy được cấp là không đủ nên đồng bào đã tự khai phá đất ở những khu rừng trê, nứa hoặc cây bụi, rừng nghèo ở chỗ có nước để làm rẫy. Tuy sản phẩm của nương rẫy không mang lại nguồn thu lớn về tiền mặt nhưng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh lương thực cho người dân. Đối với cán bộ kiểm lâm, do đường vào thôn cũ trước tái định cư đi lại khó khăn, địa bàn rộng lại xa xôi, hẻo lánh nên cán bộ kiểm lâm rất khó tiếp cận khu vực này để có thể quản lý rừng ở đây một cách chặt chẽ, cho nên người dân vẫn phát đốt rẫy ở những khu rừng thứ sinh.

Khi đến các thôn tái định cư mới, người Cơ-tu ở các thôn Pa Rum và PaDhy vẫn trồng giống lúa, ngô truyền thống cùng với ngô giống mới (ngô lai). Trồng ngô giống cũ năng suất không cao, hay bị sọc,

chuột, sâu ăn nhưng họ vẫn thích trồng vì không phải bón thuốc trừ sâu và phân bón. Người Cơ-tu trồng cây ngô truyền thống như một loại lương thực cho các hộ gia đình ở mức sống trung bình và nghèo vào lúc giáp hạt trước lúc thu hoạch lúa vào tháng 9 hàng năm nên giống ngô lai mới có cho năng suất cao thì họ vẫn trồng giống cũ vì ăn ngon, dễ ăn, mềm, người già và trẻ nhỏ có thể ăn như cơm.

Nhờ sự hỗ trợ từ các chương trình, dự án của Nhà nước và các tổ chức quốc tế, người dân đã chuyển một phần diện tích cây trồng truyền thống sang các loại cây hàng hóa để phù hợp với điều kiện thị trường ở nơi mới và đáp ứng nhu cầu của thị trường như Keo lai, Chuối, Bưởi, Bơ, Cam Vinh... Người dân bắt đầu trồng Keo lai vào năm 2015 với chu kỳ canh tác khoảng 5 năm, không ít hộ gia đình đã bán keo non khi cây mới được 3-4 năm. Hiện nay cây trồng này nhanh chóng mở rộng diện tích do thuận lợi về thị trường tiêu thụ (thương lái mang xe ô tô tới tận nơi thu mua), cây không kén đất và kỹ thuật canh tác đơn giản. Tuy nhiên, do ở vùng sâu, vùng xa, công khai thác và vận chuyển lớn nên sau khi trừ các chi phí thì thu nhập từ keo mang lại không lớn, chỉ dao động từ 15-20 triệu đồng/ha.

Việc phát triển một số loại cây công nghiệp, cây ăn quả trong thời gian qua đã góp phần quan trọng trong việc cải thiện thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, đầu ra cho nông sản hàng hóa vẫn đang là vấn đề rất cần được quan tâm. Đáng lưu ý là chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa doanh nghiệp và người sản xuất, doanh nghiệp chưa đứng ra ký kết bao tiêu sản phẩm mà việc tiêu thụ chủ yếu thông qua thương lái. Do đó, người nông dân luôn chịu thiệt thòi, chưa thực sự yên tâm sản xuất bởi tình trạng giá cả bấp bênh, bị tư thương ép giá (Ngọc, 2021, tr.89- 90).

4.1.2. Canh tác lúa nước

Từ những năm 1990, với sự hỗ trợ của Chương trình định canh, định cư, người dân đã bắt đầu làm ruộng nước. Lúc đó, thôn Pa Rum A có 10 hộ có ruộng nước với diện tích 3,6 ha; thôn Pa Rum B gồm 15 hộ có 2,5 ha ruộng nước, thôn PaDhy gồm 6 hộ có 0,6 ha ruộng nước. Cây lúa thường xuyên bị sâu bệnh nên sản lượng rất thấp, chỉ đạt khoảng 2 tấn/ha (Asian Development Bank & Electricity of Viet Nam, 2007, tr.3).

Kể từ khi tái định cư, các thôn Pa Rum A, Pa Rum B và PaDhy đều không có ruộng nước, do đó những hộ có ruộng nước mất đi một nguồn lương thực ổn định từ lúa nước.

4.2. Chăn nuôi

Chăn nuôi gia súc như trâu, bò là nguồn tích lũy tiền mặt quan trọng của người Cơ-tu, trong trường hợp gia đình cần tiền mặt để tổ chức ma, chay, cưới xin họ sẽ gọi lái buôn vào bán. Vì là tài sản có giá

trị nên trâu và bò được coi là một trong những tiêu chí xếp hạng hộ gia đình khá giả, giàu có trong thôn (Ngọc, 2020). Trước tái định cư, số lượng Bò của các thôn còn ít và được thả tự do đi ăn cỏ và lá cây ở trong rừng, cách xa khu dân cư, không đi vào rẫy lúa của các gia đình nên ít xảy ra mâu thuẫn giữa các hộ. Tại khu tái định cư mới, các thôn đều có bãi chăn thả trâu bò riêng, cách xa khu dân cư ở, tuy nhiên do các hộ gia đình sử dụng tiền đền bù để mua bò như một khoản đầu tư, hộ nhiều thì hàng chục con, hộ ít cũng có vài ba con bò, số lượng bò quá nhiều vượt quá số lượng cỏ có trong các bãi chăn thả và do không có người chăn thả nên đôi khi có bò đi vào rẫy lúa của bà con gây ra mâu thuẫn giữa các hộ gia đình.

4.3. Khai thác nguồn lợi tự nhiên

4.3.1. Đánh bắt cá

Trước khi tái định cư, do sống ở cạnh Sông Bung nên nam giới Cơ-tu ở các thôn Pa Rum (Pa Rum A và Pa Rum B) và PaDhy của xã Zuôih bơi lội và đánh bắt cá rất giỏi. Trung bình mỗi buổi đánh bắt cá được 1-5 kg cá. Cá đánh bắt được ở Sông Bung là nguồn thức ăn chính trong các bữa cơm của người dân ở các thôn Pa Rum A, Pa Rum B và Pa Dhy ở xã Zuôih trước tái định cư; họ không mấy khi mua thức ăn (như cá, thịt mà chủ yếu là tự cấp, tự túc) mà chỉ hay mua dầu ăn, mắm, muối, mì chính và đường ở các quán. Từ khi tái định cư, chỉ có người dân ở thôn Pa Dhy là ở gần hồ thủy điện vẫn duy trì hoạt động đánh bắt và nuôi cá lồng ở hồ thủy điện. Có vài hộ của thôn Pa Dhy được dự án hỗ trợ nuôi cá lồng trong lồng hồ thủy điện Sông Bung 4, cá được nuôi phát triển khá tốt. Trong thôn có vài hộ có xuồng máy được sử dụng để đánh bắt cá. Cá rô phi và cá chép nặng khoảng 0,5-1 kg được bán với giá khoảng 30.000 đồng/kg, còn những con cá nhỏ thì họ mang về nhà để ăn. Hai thôn còn lại là thôn Pa Rum A và thôn Pa Rum B nay sát nhập lại là thôn Pa Rum do ở cách xa hồ thủy điện nên họ không thể duy trì hoạt động đánh bắt cá ở hồ thủy điện. Do đó họ mất đi nguồn thức ăn từ cá do Sông Bung 4 mang lại. Người dân ở hai thôn này chủ yếu bắt cá, cua, chai, ốc hến ở các con suối ở trong bản để sử dụng làm thức ăn hàng ngày.

4.3.2. Khai thác lâm sản phụ

Do cư trú của người Cơ-tu là vùng rừng núi, nên sinh kế truyền thống của họ cũng phụ thuộc vào rừng. Rừng trở thành mạng lưới an toàn cho cuộc sống của con người, giúp những người dân sống phụ thuộc tránh được tình cảnh nghèo đói hoặc giảm bớt khó khăn (Sunderlin, 2014, tr.56). Trong rừng cứ 4 năm một lần sẽ xuất hiện một loại quả là quả Ươi, đây là một vị thuốc trong đông y thường được thu hái vào mùa hè ở trong rừng già. Giá bán cho thương nhân người Kinh năm 2010 là 50.000 -

80.000 đồng/kg phụ thuộc vào chất lượng quả. Vào mùa thu hoạch Uoi, trừ người già và trẻ em ở nhà trông nhà còn tất cả các thành viên trong gia đình đều đi vào rừng để nhặt uoi. Mỗi hộ có thu nhập từ 1-2 triệu đồng từ việc bán quả Uoi.

Từ khi chuyển đến các thôn tái định cư, người dân ở các thôn vẫn duy trì hoạt động khai thác lâm sản phụ từ rừng như trước đây như việc hái nấm Lim xanh nhưng việc mua bán lâm sản rừng thuận tiện hơn rất nhiều nhờ đường xá đi lại thuận tiện, tư thương người Kinh có thể đến tận nơi để mua hoặc bán cho quán của người Cơ-tu ở trong thôn. Trung bình 1kg nấm Lim xanh có giá 700.000-1.000.000 đồng (Ngọc, 2018).

4.3.3. Săn bắt

Hoạt động săn bắt là hoạt động tập thể của đàn ông Cơ-tu ở các thôn thuộc xã Zuôi. Khi đi săn được một con lợn rừng họ sẽ lấy thịt chia lại cho các thành viên trong đoàn đi săn. Các thành viên trong đoàn đi săn có thể mang thịt về nhà hoặc mang đi bán cho người làm vàng ở trong thôn, còn lòng, chân, đầu và xương sẽ được đem nấu cháo để mời cả bản đến ăn giúp gắn kết tình đoàn kết trong cộng đồng.

4.4. Hoạt động bảo vệ rừng

Kể từ khi chuyển lên các thôn tái định cư là Pa Rum A, Pa Rum B, và Pa Dhy, các hộ trong thôn có thêm một nguồn thu nhập mới từ việc tham gia dịch vụ bảo vệ rừng. Hiện nay, đa số các hộ gia đình ở gần nhà nhau hoặc anh em, họ hàng ở trong cùng thôn ở các thôn tái định cư của xã Zuôi đều tham gia hoạt động này, trừ một số hộ già cả, neo đơn. Mỗi nhóm có khoảng 10-12 hộ gia đình tham gia. Cứ 3 tháng một lần, các hộ gia đình được nhận tiền chi trả dịch vụ bảo vệ rừng. Hoạt động bảo vệ rừng làm cho các hộ gia đình trong bản gắn kết với nhau chặt chẽ hơn và phát huy tốt hơn truyền thống giúp đỡ nhau của người Cơ-tu. Việc đi tuần rừng theo nhóm vừa hạn chế những rủi ro gặp phải trong quá trình tuần tra vừa giúp các hộ xử lý tốt các tình huống lâm tặc (nếu có). Thu nhập từ tham gia nhận khoán bảo vệ rừng đã giúp người dân cải thiện cuộc sống. Ngoài ra, chính sách này còn góp phần giảm hiện tượng phá rừng.

4.5. Một số hoạt động sinh kế khác

4.5.1. Đãi vàng

Trước khi chuyển đến khu tái định cư, người Cơ-tu ở các thôn thuộc xã Zuôi có hoạt động sinh kế mang lại nguồn thu nhập lớn cho cả thôn đó là đãi vàng. Buổi sáng, người dân đi làm nương, buổi trưa họ trở về nhà ăn trưa và nghỉ ngơi để vào buổi chiều đi đãi vàng. Hoạt động này thu hút cả người già, trung niên và thanh thiếu niên. Hoạt động này mang lại thu nhập trung bình từ 50.000 - 500.000 đồng. Trung bình một năm, mỗi hộ gia đình có thu nhập khoảng 2 triệu đồng từ việc đãi vàng (Asian

Development Bank & Electricity of Viet Nam, 2007, chương 4, tr.32). Sau khi đãi được vàng, đồng bào mang tới quán người Kinh trong vùng để bán lấy tiền mặt hoặc là đổi lấy mắm, muối, đường, mì chính, dầu ăn dùng cho sinh hoạt hàng ngày. Hiện nay, khi chuyển lên khu tái định cư mới, bà con trong thôn không còn đi đãi vàng hàng ngày nữa do bãi đãi vàng đã bị ngập.

4.5.2. Làm thuê

Trước khi tái định cư, bà con đi làm rẫy, đi săn, đánh bắt cá, thu hái lâm sản rừng và đào vàng, không có ai đi làm thuê. Sau khi tái định cư, do mất nguồn thu nhập thường xuyên từ đãi vàng, đánh bắt cá ở Sông Bung và tiêu hết tiền đền bù nên có một số hộ ở thôn Pa Rum B đi theo anh em, họ hàng xuống trồng Keo thuê cho người dân ở dưới huyện Đại Lộc cũng có thu nhập 150.000-200.000 đồng/ngày (Nam giới 50 tuổi).

Do đường sá thuận lợi, đi lại dễ dàng, internet phát triển nên có một vài thanh niên ở thôn Pa Dhy tìm việc làm ở trên mạng, gia đình can ngăn nhưng không được đã vào tận Đà Lạt đi làm thuê, tuy nhiên khi vào đến nơi thì công việc vất vả và không như lời hứa 5 triệu đồng/tháng của người môi giới lúc ban đầu nên làm được khoảng một tháng các em lại trở về nhà mà không nhận được tiền lương (Đặng Minh Ngọc, tư liệu điền dã, 2017). Đây có lẽ là một trong những nguyên nhân khiến cho bà con Cơ-tu ở các khu tái định cư chỉ thích đi làm ở nơi gần như thị trấn Thạnh Mỹ hoặc ở huyện Đại Lộc và thường làm cho người quen biết từ lâu hoặc đi theo anh em họ hàng trong dòng họ.

4.6. Sự hỗ trợ của Nhà nước và các tổ chức quốc tế

Các chính sách hỗ trợ và các chương trình phục hồi sinh kế cho người dân bị ảnh hưởng sau tái định cư của Nhà nước và các tổ chức quốc tế có sự chi phối mạnh mẽ tới các hoạt động sinh kế của người Cơ-tu ở các thôn tái định cư ở thủy điện Sông Bung 4, trong đó có xã Zuôi. Chính quyền địa phương đã lồng ghép một số chương trình như chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, chương trình 135, chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới... ở các khu tái định cư qua đó các hoạt động sinh kế đã phần nào được cải thiện góp phần ổn định đời sống của người dân.

Trong số những dự án hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, dự án “*Cải thiện sinh kế cho các cộng đồng dân tộc thiểu số dễ bị tổn thương do ảnh hưởng của dự án thủy điện Sông Bung 4*” do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Quỹ hỗ trợ Nhật Bản (JFPR) tài trợ đã có tác động tích cực tới các hoạt động sinh kế của người dân ở khu tái định cư. Dự án này đã tổ chức tập huấn và thực hành các mô hình nông nghiệp cho cả nam và nữ tại các thôn thuộc xã

Zuôi bị ảnh hưởng bởi dự án thủy điện, trong đó tổng số lượt người tham gia vào các mô hình và các khóa tập huấn về nông nghiệp là 4.855 người với 2.453 nữ, chiếm 50,5% (Tilos, 2016, tr.14). Trong quá trình tham gia các khóa tập huấn về trồng trọt và chăn nuôi để phục hồi sinh kế sau tái định cư, người dân đã được các chuyên gia về sinh kế của dự án hướng dẫn theo phương pháp “cầm tay, chỉ việc”, phù hợp với trình độ của người dân. Do phương pháp hướng dẫn phù hợp với văn hóa tộc người và bối cảnh tái định cư nên người dân có đủ thông tin cần thiết để có thể lựa chọn một số cây trồng và vật nuôi phù hợp với tập quán và đáp ứng được phần nào nhu cầu của thị trường.

Nghị quyết số 03-NQ/HU của Huyện ủy Nam Giang có chính sách đầu tư hỗ trợ người dân tập trung vào việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng “3 cây, 3 con” chủ lực (cao su, keo, chuối, bò, dê, heo). Xác định việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi là tiền đề quan trọng giúp địa phương tạo nên bước ngoặt để hình thành phương thức sản xuất mới cho đồng bào miền núi, những năm qua huyện Nam Giang đã mạnh dạn tập trung nhân rộng mô hình “3 cây, 3 con” để phát triển kinh tế - nông lâm nghiệp, xây dựng và hình thành các vùng chuyên canh sản xuất theo hướng hàng hóa; đẩy mạnh việc khai thác lợi thế và tiềm năng của vùng (Ngược, 2021). Từ chính sách này, các hoạt động hỗ trợ đã được chính quyền triển khai ở xã Zuôi như cấp giống cây trồng, vật nuôi mới (Keo lai, chuối, bò giống) để họ phục hồi kinh tế hộ gia đình. Trong những năm 2013, 2014, 2015, nguồn ngân sách huyện Nam Giang đã hỗ trợ các loại cây, con giống cho các hộ tái định cư ở xã Zuôi, tương đương với mỗi năm 200 triệu đồng. Trong đó, năm 2013 đã cấp 94.000 cây keo lai giống với số tiền 94.000.000 đồng, 1000 gốc chuối với số tiền 24.000.000 đồng, 4 con bò giống với số tiền 80.000.000 đồng; năm 2014 đã cấp 11 con bò giống với số tiền 200.000.000 đồng; năm 2015 đã cấp 11 con bò giống với số tiền 200.000.000 đồng (UBND xã Zuôi). Sự hỗ trợ này đã có tác động mạnh mẽ tới việc chuyển đổi giống cây trồng và vật nuôi nhằm cải thiện đời sống của các hộ gia đình. Ngoài ra, các hộ gia đình thuộc diện tái định cư còn được hưởng chính sách hỗ trợ đời sống và sản xuất, cụ thể, mỗi người được hỗ trợ 1 năm lương thực, 6 tháng thực phẩm, 2 năm giống cây trồng, 2 năm phân bón (2 triệu đồng/ha), một lần cho chăn nuôi (2 triệu đồng/hộ) (Tranh, 2011).

Để có được những chuyển biến tích cực trong hoạt động sinh kế của người Cơ-tu ở xã Zuôi cần ghi nhận sự vào cuộc tích cực và hiệu quả của cả hệ thống chính trị từ cấp huyện, xã và thôn. Hội phụ nữ xã đã hỗ trợ các gia đình nghèo tiếp cận nguồn vốn vay của Ngân hàng chính sách xã hội với lãi suất

ưu đãi. Hội Nông dân thường xuyên vận động hội viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về khoa học kỹ thuật. Thông qua Ngân hàng chính sách xã hội, không ít hộ gia đình gặp khó khăn về vốn sản xuất trong nông nghiệp đã được vay với định mức 25-50 triệu đồng/hộ với mức lãi suất ưu đãi, thời hạn vay trong vòng 5 năm để đầu tư phát triển sản xuất.

Nhờ sự vào cuộc của các cấp chính quyền cùng với những chương trình hỗ trợ người dân phục hồi sinh kế sau tái định cư ở thủy điện Sông Bung 4 của Nhà nước và các tổ chức quốc tế kể trên và với sự nỗ lực của bản thân người Cơ-tu ở thủy điện Sông Bung 4 nói chung và ở xã Zuôi nói riêng đã từng bước chuyển đổi sinh kế của mình để phù hợp với điều kiện môi trường mới ở nơi tái định cư.

5. Thảo luận

Trước tái định cư, trồng trọt của người Cơ-tu ở thủy điện Sông Bung 4 bao gồm canh tác ruộng nước và nương rẫy.

- *Canh tác nương rẫy*: Ở các thôn tái định cư mới, với sự hỗ trợ của các chương trình của Nhà nước thông qua phòng Nông nghiệp và phòng dân tộc của huyện người dân đã chuyển sang trồng cây công nghiệp hàng hóa như cây Keo Lai nhưng trên thực tế, sau khi trừ các chi phí đầu tư, nhất là công chăm sóc và khai thác thì giá trị kinh tế của loại cây trồng này không cao. Mặt khác, đất sau khi trồng cây keo sẽ bị bạc màu, khô cứng, khó trồng được các loại cây khác. Việc đưa các loại cây trồng phù hợp với đất dốc với kỹ thuật phù hợp với người dân để tăng năng suất cây trồng trên đất dốc là vấn đề người dân tái định cư mong mỏi.

- *Canh tác lúa nước*: Khi di chuyển đến nơi tái định cư người dân ở thôn Pa Rum và thôn PaDhy đã không còn diện tích ruộng nước. Điều này đã làm người dân ở đây mất đi một nguồn lương thực ổn định từ ruộng nước. Do đó cần phát triển cây lương thực phù hợp cho người dân tái định cư để bù vào lượng lương thực lúa nước đã bị mất.

- *Về chăn nuôi*: Hiện nay, số bò của các hộ gia đình nuôi ở các thôn tái định cư là rất lớn và lượng cỏ tự nhiên ở các bãi chăn thả là không đủ cho đàn gia súc này và do các bãi chăn thả không có hàng rào. Do đó chúng đi vào rẫy lúa của người dân trong thôn và ăn lúa gây mất đoàn kết giữa các hộ gia đình trong thôn.

- *Về đánh bắt cá*: Do các hộ dân ở thôn Pa Rum sống xa hồ thủy điện Sông Bung 4 nên họ không thể duy trì các hoạt động đánh bắt cá như trước khi tái định cư, do đó các hộ gia đình mất đi một nguồn thức ăn ổn định từ đánh bắt cá. Một số vài gia đình ở thôn PaDhy do sống gần hồ thủy điện đã được một số chương trình hỗ trợ tái định cư hỗ trợ nuôi cá lồng bắt đầu có thu nhập.

- *Khai thác lâm sản phụ*: Trước tái định cư do ở

vùng sâu, vùng xa nên khi khai thác lâm sản phụ ở trong rừng người dân ít phải cạnh tranh với người ở bên ngoài vào. Tuy nhiên, ở khu tái định cư mới do đường đi vào thuận tiện nên nhiều người ở bên ngoài vào rừng để khai thác lâm sản. Có hôm bà con đi làm rẫy về thấy nấm lim xanh ở trong rừng, do trời đã về chiều nên bà con đánh dấu sở hữu của mình và đi về nhà định sáng sớm hôm sau sẽ quay lại để hái mang đi bán. Đến sáng sớm hôm sau bà con quay lại thì chỉ còn mỗi gốc cây Lim, nấm đã bị hái hết.

- *Hoạt động săn bắt*: Trước tái định cư nếu săn được con thú thì nhóm đi săn sẽ lấy thịt đem bán còn bộ lông, xương nấu cháo mời cả bản đến ăn cháo, còn da sẽ mời nhóm đàn ông đến uống rượu ở nhà trưởng thôn. Cả thôn vui như ngày hội. Nhưng ở khu tái định cư mới, nếu săn được con thú họ sẽ lọc lấy thịt đem bán lấy tiền chia nhau, lông, xương và da sẽ chia cho các thành viên trong nhóm đi săn, các hộ còn lại không được chia gì.

- *Đãi vàng*: Trước tái định cư, hoạt động đãi vàng ở Sông Bung 4 mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho các hộ gia đình người dân trong thôn. Tuy nhiên, hiện nay nơi đãi vàng trước khi tái định cư đã bị ngừng bởi hồ thủy điện nên người Cơ-tu không còn duy trì hoạt động sinh kế này nữa. Vì vậy, họ mất đi một nguồn thu nhập đáng kể hàng ngày.

- *Hoạt động bảo vệ rừng*: Kể từ khi tái định cư người dân ở các thôn tái định cư có nguồn thu nhập mới từ hoạt động bảo vệ rừng. Việc tham gia hoạt động bảo vệ rừng giúp các hộ dân có nguồn thu nhập ổn định, tăng cường tinh đoàn kết giữa các hộ dân trong thôn và rừng được bảo vệ tốt hơn.

- *Làm thuê*: Trước tái định cư người dân ở các thôn tái định cư không đi làm thuê do địa hình xa xôi, hẻo lánh và đường xá đi lại khó khăn. Sau tái định cư do một số hộ gia đình tiêu hết tiền đền bù gặp khó khăn trong kinh tế nên có một số hộ gia đình đã đi làm thuê cho một số hộ gia đình trồng Keo Lai ở huyện Đại Lộc và thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Thạnh Mỹ (tỉnh Quảng Nam). Việc đi làm thuê đã góp phần cải thiện đời sống và nâng cao thu nhập cho người dân. Tuy nhiên họ thường là lao động theo ngày, khỏe thì làm, ốm thì nghỉ, không được mua bảo hiểm và dễ gặp rủi ro trong quá trình lao động.

6. Kết luận

Tài liệu tham khảo

Arhem, N. (2009). *In the Sacred Forest: Landscape, Livelihood and Spirit Beliefs among the Katu of Vietnam*. Intellecta Docusys, Sweden.

Từ kết quả nghiên cứu trên, tác giả cho rằng cần có thêm các cuộc điều tra, đánh giá về nhu cầu trồng trọt và chăn nuôi của người dân kết hợp với tri thức của chuyên gia để từ đó chọn được cây trồng và vật nuôi phù hợp với nhu cầu và trình độ của người dân, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu, đáp ứng được nhu cầu của thị trường để từng bước cải thiện thu nhập cho người dân. Cần thử nghiệm trồng và nuôi các loại cây và con đã được người dân và chuyên gia lựa chọn để xem xét tính phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu của địa phương để bảo vệ môi trường sinh thái và đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Cần mở các khóa tập huấn bằng phương pháp “cầm tay chỉ việc” để chuyển giao khoa học kỹ chăn nuôi và trồng trọt những loại con và cây đã được người dân và chuyên gia lựa chọn, trồng thí điểm thành công để người dân dần thích nghi với kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi mới. Cần hỗ trợ người dân tìm đầu ra cho các loại cây hàng hóa, tạo cầu nối để đưa nông sản đến tay người tiêu dùng thông qua việc hỗ trợ người dân ký kết các hợp đồng bao tiêu sản phẩm với các công ty, doanh nghiệp lớn để tránh tình trạng bị tư thương ép giá và thị trường bấp bênh. Cần hỗ trợ mở rộng khai hoang ruộng nước và xây dựng hệ thống thủy lợi phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương để tránh bị phá hủy trong mùa mưa lũ. Cần gieo trồng các loại lúa nước giống mới để thâm canh tăng vụ giúp đồng bào tự túc được lương thực nhằm giảm tình trạng phá rừng tre, nứa hoặc cây bụi, rừng nghèo ở chỗ có nước để làm rẫy.

Tuy vậy, những sự chuyển biến tích cực trong sinh kế của người Cơ-tu ở thủy điện Sông Bung 4 nói chung cũng như ở xã Zuôi nói riêng cho thấy lộ trình đúng đắn của các chính sách, chương trình hỗ trợ người dân tái định cư của Nhà nước và của các tổ chức quốc tế với mục tiêu “giúp người dân có cuộc sống bằng hoặc hơn nơi ở cũ” cũng như sự nỗ lực của người dân trong quá trình thích nghi với cuộc sống mới ở nơi tái định cư. Tuy nhiên, để có thể đạt được mục tiêu đã đề ra cần có sự hỗ trợ mạnh mẽ hơn của các chương trình của Nhà nước, của các tổ chức quốc tế và sự vào cuộc mạnh mẽ hơn của chính quyền, các ban ngành, đoàn thể để giúp người dân phát triển sinh kế nhằm cải thiện thu nhập, nâng cao mức sống và ổn định đời sống, góp phần phát triển bền vững ở khu vực này trong những năm tới.

Asian Development Bank. (2008). *Livelihood Improvement of Vulnerable Ethnic minority Communities Affected by the Song Bung 4 hydro-power project in Quang Nam province, Viet Nam*.

- Asian Development Bank, & Electricity of Viet Nam. (2007). *TA 4625-VIE- Song Bung 4 hydro-power project, phaseII, Resettlement and Ethnic minority Development Plan, Volume 2. Reservoir Resettlement and Development Plan*. SWECO International Plan. Final report.
- Đức, T. (2002). *Tìm hiểu văn hóa Katu*. Thừa Thiên Huế: Nxb. Thuận Hóa.
- Hùng, L. (2006). *Góp phần tìm hiểu văn hóa Cơ-tu*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Mạnh, N. V., Hồng, N. X., & Thông, N. H. (2001). *Luật tục của người Tà Ôi, Cơ-tu, Bru- Vân Kiều ở Quảng Trị*. Thừa Thiên Huế: Nxb. Thuận Hóa.
- Ngọc, Đ. M. (2018). Sinh kế của người Cơ-tu ở khu tái định cư thủy điện Sông Bung 4. *Tạp chí Dân tộc học, số 6*, tr.76-84.
- Ngọc, Đ. M. (2019). Sự thay đổi vai trò trong gia đình và cộng đồng của phụ nữ Cơ-tu ở vùng tái định cư thủy điện Sông Bung 4. *Tạp chí Dân tộc học, số 6*, tr.52-59.
- Ngọc, Đ. M. (2020). Ảnh hưởng của yếu tố văn hóa tộc người đến việc thực hiện chương trình tái định cư thủy điện Sông Bung 4. *Tạp chí Dân tộc học, số 6*, tr.76-84.
- Ngược, A. L. (2021, 16/9). Giảm nghèo cho Nam Giang. [Http://namgiang.quangnam.gov.vn](http://namgiang.quangnam.gov.vn).
- Tilos, N. (2016). *Viet Nam: Implementation and Monitoring of Song Bung 4 hydro-power project Resettlement and Ethnic minority Development plan*.
- Tranh, Đ. (2011). Sinh kế bền vững cho cộng đồng tái định cư công trình thủy điện ở lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, tỉnh Quảng Nam: thực trạng và giải pháp. Trong T. V. Hà (chủ biên), *Nghiên cứu tái định cư thủy điện ở Việt Nam thời kỳ đổi mới*. Hà Nội: Nxb. Từ điển Bách khoa.
- Ủy ban nhân dân huyện Nam Giang. (2017). *Báo cáo tình hình đời sống- sản xuất của người dân trong vùng tái định cư thủy điện Sông Bung 4*.
- Ủy ban nhân dân xã ZuôiH. (2015). *Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết 03-NQ/HU của huyện ủy ngày 07/12/2011 về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi tại địa bàn xã ZuôiH*.

SINH KẾ CỦA NGƯỜI CƠ-TU Ở THỦY ĐIỆN SÔNG BUNG 4 (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP Ở THÔN PA RUM VÀ PADHY THUỘC XÃ ZUÔI H, HUYỆN THẠNH MỸ, TỈNH QUẢNG NAM)

Đặng Minh Ngọc

Viện Dân tộc học

Email: dmngoc@gmail.com

Nhận bài: 18/10/2022; Phản biện: 29/10/2022; Tác giả sửa: 04/11/2022; Duyệt đăng: 07/11/2022; Phát hành: 18/11/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/786>

Trong những năm qua, các công trình thủy điện được xây dựng đã có những đóng góp đáng kể cho sự tăng trưởng kinh tế của đất nước nhưng đi kèm với thủy điện là những cuộc di dân tái định cư cũng gây ra những ảnh hưởng nhất định về môi trường, văn hóa và sinh kế. Hiện nay, câu hỏi được đặt ra đối với các dự án tái định cư là phải làm thế nào để cải thiện đời sống cho người dân, giúp họ có mức sống ít nhất là bằng hoặc hơn nơi ở cũ, nhanh chóng hòa nhập và thích ứng với cuộc sống ở nơi mới mà vẫn giữ được các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Để trả lời cho câu hỏi này, các chương trình và dự án của Nhà nước, các tổ chức quốc tế đã hỗ trợ giúp người Cơ-tu phục hồi sinh kế cùng với sự nỗ lực của bản thân, người Cơ-tu đã thay đổi sinh kế của mình để thích nghi với môi trường mới. Bài viết này tìm hiểu thực trạng hoạt động sinh kế của người Cơ-tu ở các thôn Pa Rum và PaDhy thuộc xã ZuôiH, huyện Thạnh Mỹ, tỉnh Quảng Nam sau khi dời đến khu tái định cư.

Từ khóa: Sinh kế người Cơ-tu; Thủy điện Sông Bung 4; Tái định cư; Huyện Thạnh Mỹ; Tỉnh Quảng Nam.